



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

*Tỉnh Thừa Thiên Huế*

Số 51

Ngày 11 tháng 10 năm 2021

## MỤC LỤC

### VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Trang

30-9-2021	Quyết định số 60/2021/QĐ-UBND quy định về điều kiện, tiêu chí, quy mô, tỷ lệ để tách diện tích đất thành dự án độc lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.	02
04-10-2021	Quyết định số 61/2021/QĐ-UBND ban hành Quy định về quản lý hoạt động vận tải khách du lịch bằng đường thủy nội địa và phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.	07
04-10-2021	Quyết định số 62/2021/QĐ-UBND ban hành Quy định Quản lý, vận hành và tích hợp ứng dụng Hue-S.	30
04-10-2021	Quyết định số 63/2021/QĐ-UBND ban hành Quy định xây dựng, quản lý và khai thác Tủ sách Huế, Tủ sách Huế điện tử.	36

**VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH****ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 60/2021/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 30 tháng 9 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH****Quy định về điều kiện, tiêu chí, quy mô, tỷ lệ để tách diện tích đất thành  
dự án độc lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật  
Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;**Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm  
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;**Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;**Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;**Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ  
Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;**Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ  
sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;**Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 3173/TTr-SKHĐT  
ngày 15 tháng 9 năm 2021.***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định về điều kiện, tiêu chí, quy mô, tỷ lệ để tách diện tích đất thành dự án độc lập đối với khu đất thực hiện dự án đầu tư quy định tại khoản 5 Điều 16 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai (khu đất thuộc phạm vi điều chỉnh này được gọi chung là đất công).

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các nhà đầu tư quy định tại khoản 18 Điều 3 Luật Đầu tư năm 2020 và các cơ quan, tổ chức, cá nhân, người sử dụng đất liên quan đến hoạt động đầu tư tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Người chịu trách nhiệm trước Nhà nước đối với đất được giao để quản lý quy định tại Điều 8 Luật Đất đai năm 2013.

**Điều 3. Điều kiện, tiêu chí, quy mô, tỷ lệ diện tích đất công để tách thành dự án độc lập**

1. Phần diện tích đất công để xem xét tách thành dự án độc lập phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Phù hợp với quy hoạch phân khu có tỷ lệ 1/2.000 hoặc tỷ lệ 1/5.000 theo quy định của pháp luật.

b) Phù hợp với quy hoạch sử dụng đất hoặc kế hoạch sử dụng đất cấp huyện được cấp thẩm quyền phê duyệt.

c) Đảm bảo diện tích đất tối thiểu theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng tại Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng Ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 52/2020/NĐ-CP ngày 27/4/2020 của Chính phủ quy định đầu tư xây dựng và kinh doanh sân gôn hoặc quy định của pháp luật đối với từng loại dự án.

d) Liên khu, liên thửa, không nằm xen kẽ với phần diện tích đất đã nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất.

đ) Có ít nhất một mặt tiếp giáp đường giao thông hiện trạng hoặc có quy hoạch đường giao thông cấp VI trở lên đã trừ chỉ giới giao thông, xây dựng theo quy hoạch được duyệt (nếu có).

e) Không ảnh hưởng đến mục tiêu thực hiện dự án hoặc phá vỡ các quy hoạch đã được phê duyệt.

2. Đối với phần diện tích đất công đáp ứng các điều kiện tại khoản 1 Điều này thì phải đáp ứng các tiêu chí, quy mô, tỷ lệ để tách thành dự án độc lập như sau:

a) Đối với các dự án thương mại, dịch vụ đầu tư tại các phường thuộc thành phố Huế, thị xã Hương Thủy, thị xã Hương Trà; thị trấn thuộc các huyện: Có diện tích đất công từ 30% trở lên so với tổng diện tích khu đất đề xuất thực hiện dự án.

b) Đối với các dự án thương mại, dịch vụ đầu tư tại các địa bàn còn lại: Có diện tích đất công từ 40% trở lên so với tổng diện tích khu đất đề xuất thực hiện dự án.

c) Đối với các dự án không phải là dự án thương mại, dịch vụ: Có diện tích đất công trên 50% so với tổng diện tích khu đất đề xuất thực hiện dự án.

#### **Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan**

##### **1. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ngành, địa phương liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện Quyết định này.

b) Chủ trì, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh các nội dung liên quan khi tham mưu thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này.

c) Hướng dẫn, giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh các trường hợp phát sinh so với Quyết định này.

d) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý các dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định chủ trương đầu tư, quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, nhưng chưa được Ủy ban nhân dân tỉnh giao đất, cho thuê đất.

##### **2. Sở Tài nguyên và Môi trường**

Phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, có văn bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư cho ý kiến về các dự án đủ điều kiện, tiêu chí, quy mô và tỷ lệ diện tích đất để tách phần diện tích đất tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này thành dự án độc lập; đề xuất cơ quan tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất đối với phần diện tích sau khi tách thành dự án độc lập đồng thời với cho ý kiến thẩm định chấp thuận chủ trương đầu tư theo chức năng, nhiệm vụ của ngành.

##### **3. Ủy ban nhân dân cấp huyện**

a) Chủ trì, chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát nguồn gốc đất, tài sản trên đất; báo cáo nguồn gốc đất, tài sản trên đất trong quá trình tiếp nhận hồ sơ đề xuất dự án đầu tư và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của nguồn gốc đất, tài sản trên đất.

b) Triển khai tuyên truyền, vận động mọi tổ chức, cá nhân về chính sách đấu giá quyền sử dụng đất, mua tài sản gắn liền với đất, nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất theo Quyết định này; các quy định của Chính phủ và các bộ, ngành trung ương bảo đảm chính sách pháp luật.

c) Phản ánh kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện Quyết định này.

#### 4. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Quản lý chặt chẽ quỹ đất quy định tại Điều 2 Quyết định này trên địa bàn;

b) Rà soát, xác định nguồn gốc đất đai, tài sản trên đất để báo cáo nguồn gốc đất, tài sản trên đất trong quá trình tiếp nhận hồ sơ đề xuất dự án đầu tư; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của nguồn gốc đất đai, tài sản trên đất.

c) Tổ chức tuyên truyền về chính sách đấu giá quyền sử dụng đất, mua tài sản gắn liền với đất, nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất Quyết định này; các quy định của Chính phủ và các bộ, ngành trung ương bảo đảm chính sách pháp luật.

c) Phản ánh kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện Quyết định này.

5. Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm phối hợp với các sở, ngành và địa phương rà soát nguồn gốc đất và triển khai thực hiện theo Quyết định này.

#### 6. Các sở, ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và Quyết định này.

### **Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp**

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ.

### **Điều 6. Điều khoản thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 10 năm 2021.

### **Điều 7. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Trong quá trình thực hiện Quyết định này, nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) để phối hợp các ngành liên quan hướng dẫn giải quyết hoặc tổng hợp, báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý theo đúng quy định của pháp luật./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Phương**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 61/2021/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 04 tháng 10 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về quản lý hoạt động vận tải khách du lịch bằng đường thủy nội địa và phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 110/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh vận tải đường thủy nội địa;*

*Căn cứ Nghị định số 128/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực đường thủy nội địa;*

*Căn cứ Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện vui chơi, giải trí dưới nước;*

*Căn cứ Thông tư số 42/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ Giao thông vận tải về việc quy định điều kiện của người điều khiển phương tiện, nhân viên phục vụ, trang thiết bị, chất lượng dịch vụ trên phương tiện vận tải khách du lịch;*

*Căn cứ Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 22/2012/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 26 tháng 6 năm 2012 của Liên Bộ Giao thông Vận tải - Văn hóa Thể thao và Du lịch quy định về bảo đảm an toàn giao thông trong hoạt động vận tải khách du lịch bằng phương tiện thủy nội địa;*

*Căn cứ Thông tư số 39/2019/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải quy định trách nhiệm của chủ phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện, đảm nhận chức danh thuyền viên và định biên tối thiểu trên phương tiện thủy nội địa;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý hoạt động vận tải khách du lịch bằng đường thủy nội địa và phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

### **Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 10 năm 2021 và thay thế Quyết định số 31/2012/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2012 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về quản lý hoạt động vận tải hành khách du lịch đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Văn hóa và Thể thao, Du lịch, Tài nguyên và Môi trường, Công an tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế, Thủ trưởng các cơ quan, ban ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động vận tải khách du lịch bằng đường thủy nội địa, phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hoàng Hải Minh**



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

**Về quản lý hoạt động vận tải khách du lịch bằng đường thủy nội địa và phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 61/2021/QĐ-UBND ngày 04/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)*

### **Chương I**

#### **QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy định này quy định về quản lý hoạt động vận tải khách du lịch bằng đường thủy nội địa và phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan đến hoạt động vận tải khách du lịch bằng đường thủy nội địa và phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, bao gồm:

a) Các cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động vận tải khách du lịch bằng đường thủy nội địa và phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước.

b) Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động vận tải khách du lịch và phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước.

c) Các cảng, bến thuyền du lịch và khu vực neo đậu.

d) Các tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

##### **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Phương tiện vận tải khách du lịch là phương tiện thủy nội địa chuyên hoạt động vận tải khách du lịch trên đường thủy nội địa, bao gồm:

a) Tàu, thuyền du lịch là phương tiện vận tải khách du lịch tham quan, dạo chơi hoặc nghe ca Huế trên đường thủy nội địa.

b) Tàu, thuyền lưu trú du lịch.

c) Nhà hàng nổi.

d) Khách sạn nổi.

2. Phương tiện chuyên tải là phương tiện thủy nội địa chuyên hoạt động chuyên tải phục vụ cho phương tiện vận tải khách du lịch.

3. Chủ phương tiện là tổ chức, cá nhân sở hữu phương tiện được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện và đơn vị kinh doanh vận tải.

4. Cảng, bến thuyền du lịch là cảng, bến thủy nội địa được quy định để phương tiện vận tải khách du lịch, phương tiện chuyên tải ra, vào đón, trả khách du lịch và thực hiện các dịch vụ hỗ trợ khác (nếu có).

5. Khu vực neo đậu là khu vực được quy định cho phương tiện vận tải khách du lịch, phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước neo đậu được cơ quan thẩm quyền công bố hoặc cấp giấy phép hoạt động theo quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa.

6. Ban Quản lý cảng, bến thuyền du lịch là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, thị xã, thành phố nơi Ban Quản lý cảng, bến đặt trụ sở làm việc.

7. Đơn vị kinh doanh vận tải là doanh nghiệp, hợp tác xã sử dụng phương tiện vận tải khách du lịch; phương tiện vui chơi, giải trí dưới nước để kinh doanh, có thu tiền.

### **Điều 3. Những hành vi bị cấm**

Thực hiện theo quy định tại Điều 8 Luật Giao thông đường thủy nội địa; khoản 3 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014; Điều 9 Luật Du lịch và các hành vi khác trái với các quy định của pháp luật, trái với quy định này.

## **Chương II**

### **QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI KHÁCH DU LỊCH BẰNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**

#### **Mục 1**

### **QUY ĐỊNH VỀ PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI KHÁCH DU LỊCH VÀ PHƯƠNG TIỆN CHUYÊN TẢI**

#### **Điều 4. Quy định chung đối với phương tiện vận tải khách du lịch**

Ngoài việc thực hiện quy định tại Điều 24 Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004; khoản 7 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014; Điều 7 Thông tư số 42/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ Giao thông vận tải quy định về điều kiện của người điều khiển phương tiện, nhân viên phục vụ, trang thiết bị, chất lượng dịch vụ trên phương tiện vận tải khách du lịch và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, phương tiện vận tải khách du lịch còn phải đáp ứng các quy định sau:

1. Đảm bảo các điều kiện về an toàn, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường và thẩm mỹ. Trang bị phao cứu sinh phải thỏa mãn quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chế tạo và kiểm tra thiết bị cứu sinh dùng cho phương tiện thủy nội địa QCVN 85:2015/BGTVT.

2. Có phương án phòng chống giông bão, chống đắm; phòng chống cháy nổ và cứu hộ, cứu nạn tại chỗ.

3. Có giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ phương tiện đối với hành khách và người thứ ba còn hiệu lực.

4. Khoang hành khách phải được bố trí các cửa thoát hiểm, có bảng hướng dẫn sử dụng trang thiết bị cứu sinh, cứu hỏa, sử dụng búa để mở hoặc phá cửa thoát hiểm bằng 2 thứ tiếng Anh và tiếng Việt dễ hiểu, đặt ở vị trí hành khách dễ nhận thấy.

5. Có tủ thuốc y tế với dụng cụ y tế và một số loại thuốc sơ cứu thông dụng ban đầu còn hạn sử dụng.

6. Niêm yết số điện thoại đường dây nóng của đơn vị kinh doanh vận tải và các cơ quan chức năng theo quy định.

7. Có bảng nội quy an toàn hành khách đi thuyền, nội quy bảo vệ môi trường, các hướng dẫn về an toàn và giá dịch vụ dễ hiểu, đặt ở vị trí hành khách dễ nhận thấy được thể hiện bằng hai thứ tiếng Việt và tiếng Anh.

8. Không được ăn, ở sinh hoạt theo quy mô hộ gia đình trên phương tiện.

9. Không được nuôi gia súc, gia cầm trên phương tiện.

10. Thùng chứa rác phải có nắp đậy kín, thẩm mỹ, hợp vệ sinh và được bố trí ở những nơi thuận tiện cho việc bỏ rác.

11. Nhà vệ sinh (nếu có) phải có bể phốt chứa kín và có hợp đồng thu gom, xử lý chất thải trên phương tiện, chất thải từ bể phốt nhà vệ sinh với cơ quan bảo vệ môi trường.

12. Có đủ ghế ngồi, phòng ngủ cố định chắc chắn theo sức chở của phương tiện, đảm bảo chất lượng, hình thức đẹp, bố trí hành lang đi lại giữa các hàng ghế hoặc giường ngủ thuận tiện, đảm bảo chiều rộng hành lang không nhỏ hơn 50cm;

13. Đối với các phương tiện vận tải khách du lịch có tổ chức biểu diễn ca Huế phải tuân thủ theo quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh và các văn bản quy phạm khác có liên quan.

14. Phương tiện vận tải khách du lịch hoạt động ban đêm phải bố trí hộp đèn ghi số đăng ký phương tiện rõ ràng, dễ nhận thấy đặt ở phía trước cửa ra, vào để nhận biết phương tiện ban đêm.

15. Phương tiện vận tải khách du lịch phải được lắp thiết bị giám sát hành trình (trừ nhà hàng nổi, khách sạn nổi cố định, không di chuyển), camera giám sát đảm bảo hoạt động thường xuyên để chủ phương tiện và cơ quan chức năng theo dõi và giám sát phương tiện.

16. Máy chính và máy phụ lắp trên phương tiện vận tải khách du lịch (nếu có) phải chưa qua sử dụng, máy chính phải là máy thủy chuyên dụng, có từ 2 xi lanh trở lên, khoang máy riêng biệt, có biện pháp giảm rung, giảm tiếng ồn tiêu chuẩn và có biện pháp thu gom, xử lý dầu bẩn đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định.

17. Khi đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện vận tải khách du lịch phải có hồ sơ thiết kế được cơ quan đăng kiểm phê duyệt và phương tiện phải được đóng mới, hoán cải, sửa chữa tại cơ sở có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định 128/2018/NĐ-CP của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực đường thủy nội địa và phải có sự giám sát của cơ quan đăng kiểm theo quy định.

### **Điều 5. Quy định đối với tàu, thuyền du lịch**

1. Thực hiện theo quy định tại:

a) Điều 4 của Quy định này.

b) Khoản 2 Điều 5 Thông tư liên tịch số 22/2012/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 26 tháng 06 năm 2012 của liên Bộ Giao thông vận tải - Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định về bảo đảm an toàn giao thông trong hoạt động vận tải khách du lịch bằng phương tiện thủy nội địa.

2. Tàu, thuyền du lịch hoạt động trên sông Hương phải theo mẫu được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 817/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2014 về việc phê duyệt mẫu thuyền phục vụ biểu diễn ca Huế và du thuyền trên sông Hương. Mẫu phương tiện hoạt động trên các tuyến còn lại được thực hiện theo đúng quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Tàu, thuyền du lịch cao tốc, tạo sóng lớn không hoạt động trên các tuyến sông, hồ.

4. Phao áo trang bị cho hành khách được bố trí tại mỗi ghế ngồi của hành khách, đảm bảo thẩm mỹ và thuận tiện thao tác khi sử dụng.

5. Có Biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch theo quy định.

### **Điều 6. Quy định đối với nhà hàng nổi**

1. Thực hiện theo quy định tại:

a) Điều 4 của Quy định này.

b) Thông tư số 43/2012/TT-BGTVT ngày 23 tháng 10 năm 2012 Quy định các yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với tàu thủy lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi.

2. Có bảng hướng dẫn sử dụng các trang thiết bị cứu sinh, cứu đuối và số điện thoại đường dây nóng, địa chỉ tìm kiếm cứu nạn.

3. Có cầu tàu (đối với nhà hàng nổi tiếp bờ) hoặc vị trí cập phương tiện chuyển tải (đối với nhà hàng nổi không tiếp bờ) đảm bảo an toàn, thuận tiện, có lan can bảo vệ để khách lên xuống nhà hàng hoặc phương tiện chuyển tải tiếp cận.

4. Có thiết bị theo dõi thời tiết và thông tin liên lạc đảm bảo hoạt động 24/24 giờ hàng ngày.

5. Có khu vực đón tiếp khách, bếp, phòng ăn và dịch vụ phục vụ ăn uống đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm và phòng chống cháy, nổ theo quy định.

6. Có đủ điện, nước sinh hoạt; có thiết bị thu gom rác thải, nước thải bảo đảm vệ sinh môi trường.

7. Có nơi để xe cho hành khách đối với nhà hàng nổi cố định tiếp bờ.

8. Có mẫu được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận trước khi đóng mới hoặc hoán cải theo quy định.

### **Điều 7. Quy định đối với tàu, thuyền lưu trú du lịch và khách sạn nổi**

1. Thực hiện theo quy định tại:

a) Điều 4 của Quy định này.

b) Khoản 1 Điều 5 Thông tư liên tịch số 22/2012/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 26 tháng 06 năm 2012 của liên Bộ Giao thông vận tải - Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

c) Thông tư số 43/2012/TT-BGTVT ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Bộ Giao thông vận tải.

2. Có khu vực đón tiếp khách, phòng tắm, phòng vệ sinh riêng biệt tại các phòng ngủ, có quầy lễ tân và có phòng vệ sinh dùng chung.

3. Có bếp, phòng ăn và dịch vụ phục vụ ăn uống đảm bảo an toàn phòng chống cháy, nổ; vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm theo quy định.

4. Có đủ điện, nước sinh hoạt; có thiết bị thu gom rác thải, nước thải bảo đảm vệ sinh môi trường.

5. Thiết bị theo dõi thời tiết và thông tin liên lạc đảm bảo hoạt động 24/24 giờ hàng ngày.

6. Có tối thiểu:

a) 5 buồng ngủ đối với tàu, thuyền lưu trú du lịch;

b) 10 buồng ngủ đối với khách sạn nổi.

7. Có nhân viên trực 24 giờ mỗi ngày.

8. Có vị trí để phương tiện chuyển tải tiếp cận an toàn, thuận tiện, có lan can tay vịn đảm bảo an toàn cho hành khách lên, xuống.

9. Có mẫu được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận trước khi đóng mới hoặc hoán cải theo quy định.

### **Điều 8. Quy định về phương tiện chuyển tải**

1. Phương tiện chuyển tải chỉ được phép hoạt động từ cảng, bến chuyển tải đến phương tiện cần chuyển tải và ngược lại.

2. Không được bám buộc vào phương tiện khác khi đang hành trình.

3. Không sử dụng phương tiện cao tốc, phương tiện hoạt động tạo sóng lớn làm phương tiện chuyển tải trên các tuyến sông, hồ.

4. Không sử dụng phương tiện chuyển tải để vận tải khách du lịch tham quan, dạo chơi, nghe ca Huế,...

5. Phương tiện chuyển tải không thu tiền trực tiếp hành khách.

6. Trang bị phao cứu sinh thỏa mãn quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chế tạo và kiểm tra thiết bị cứu sinh dùng cho phương tiện thủy nội địa QCVN 85:2015/BGTVT.

7. Người trên phương tiện chuyển tải bắt buộc phải mặc áo phao khi phương tiện hoạt động.

### **Điều 9. Quy định cấp biển hiệu thuyền du lịch**

1. Thủ tục cấp, cấp lại, cấp đổi và thu hồi biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch do Sở Giao thông vận tải thực hiện theo quy định tại Điều 17, 18, 19, 20 Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.

2. Chỉ cấp biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch lần đầu đối với các phương tiện được đóng mới, hoán cải theo mẫu đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hoặc chấp thuận. Giao Sở Giao thông vận tải chủ trì phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao tiến hành kiểm tra, xác nhận mẫu phương tiện trước khi cấp biển hiệu.

## **Mục 2**

### **THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI**

### **PHƯƠNG TIỆN VÀ NHÂN VIÊN PHỤC VỤ**

### **Điều 10. Quy định đối với thuyền viên, người lái phương tiện**

Ngoài việc thực hiện quy định tại Chương IV Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004, Luật Giao thông đường thủy nội địa sửa đổi năm 2014 và Điều 6 Thông tư số 22/2012/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 26 tháng 06 năm 2012 của liên Bộ Giao thông vận tải - Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các văn bản quy phạm

pháp luật liên quan; thuyền viên, người lái phương tiện làm việc trên phương tiện vận tải khách du lịch và phương tiện chuyên tải còn phải đảm bảo yêu cầu các quy định sau:

1. Có chứng chỉ bơi lội.
2. Mặc đồng phục, đeo thẻ tên theo quy định của đơn vị kinh doanh vận tải trong suốt quá trình làm việc trên phương tiện và các công việc liên quan.
3. Có thái độ phục vụ văn minh, lịch sự.
4. Không được uống bia, rượu hoặc sử dụng chất kích thích trong quá trình làm việc trên phương tiện và các công việc liên quan.
5. Không phải là người đang trong thời gian bị cấm hành nghề theo quy định pháp luật.
6. Có hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.
7. Không được mời chào, bám buộc, lôi kéo hành khách dưới mọi hình thức gây mất trật tự, an toàn ở cảng, bến thuyền du lịch.
8. Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Quy định này.

### **Điều 11. Quy định đối với nhân viên phục vụ trên phương tiện**

Thực hiện theo quy định tại:

1. Điều 7 Thông tư liên tịch số 22/2012/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 26 tháng 6 năm 2012 của liên bộ Giao thông vận tải - Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
2. Điều 5 Thông tư 42/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ Giao thông vận tải.
3. Khoản 2 Điều 12 của quy định này.

### **Điều 12. Trách nhiệm của thuyền viên, người lái phương tiện và nhân viên phục vụ**

1. Trách nhiệm của thuyền viên, người lái phương tiện

a) Thực hiện quy định tại:

Điều 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 Thông tư số 39/2019/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải quy định trách nhiệm của chủ phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện, đảm nhận chức danh thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu trên phương tiện thủy nội địa.

Khoản 1, 2 Điều 8 Thông tư liên tịch số 22/2012/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 26 tháng 6 năm 2012 của liên Bộ Giao thông vận tải - Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 23 Thông tư 50/2014/TT-BGTVT ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa.

b) Giữ gìn trật tự, an ninh, vệ sinh môi trường, văn hóa tín ngưỡng tại các cảng, bến thuyền; các khu, điểm du lịch.

c) Đảm bảo an toàn cho phương tiện ra, vào cảng, bến và khách lên, xuống phương tiện.

d) Phổ biến nội quy an toàn hành khách đi thuyền và hướng dẫn cách sử dụng các trang, thiết bị an toàn trên phương tiện cho khách biết trước khi phương tiện rời cảng, bến.

đ) Chỉ cho phương tiện đón, trả khách tại các cảng, bến được công bố hoặc cấp phép. Đậu đỗ phương tiện đúng nơi quy định, đảm bảo an toàn khi không có phiên chuyển hoạt động.

e) Phối hợp và thực hiện tốt các quy định về hoạt động biểu diễn nghệ thuật (nếu có) theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh. Tuyệt đối từ chối biểu diễn nghệ thuật khi phương tiện đang hành trình hoặc không đúng vị trí, thời gian biểu diễn theo quy định và chỉ cho phương tiện cập bến để đón khách trước 30 phút so với thời gian bắt đầu xuất bến, thực hiện chuyển hành trình;

h) Triển khai thực hiện phương án phòng chống giông bão, chống đắm và cứu hộ cứu nạn tại chỗ.

i) Các quy định khác của pháp luật có liên quan.

## 2. Trách nhiệm của nhân viên phục vụ trên phương tiện

Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư liên tịch số 22/2012/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 26 tháng 6 năm 2012 của liên Bộ Giao thông vận tải - Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

## Mục 3

### **ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI, CHỦ PHƯƠNG TIỆN VÀ KHÁCH DU LỊCH**

#### **Điều 13. Điều kiện hoạt động của đơn vị kinh doanh vận tải**

1. Đơn vị kinh doanh vận tải phải được thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của pháp luật và có đăng ký ngành nghề kinh doanh vận tải bằng phương tiện thủy nội địa.

2. Có phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện và nhân viên phục vụ đáp ứng quy định tại Điều 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 của quy định này, tương ứng với hình thức kinh doanh.

3. Có phương án kinh doanh phù hợp với hình thức kinh doanh.

4. Trường hợp vận tải khách du lịch bằng phương tiện vận tải khách du lịch phải có hợp đồng vận tải và danh sách hành khách vận tải theo chuyến bằng văn bản. Trường hợp lưu trú khách du lịch bằng tàu, thuyền lưu trú du lịch; khách sạn nội phải lập danh sách hành khách lưu trú.



5. Phương tiện vận tải khách du lịch theo tuyến cố định phải được Sở Giao thông vận tải chấp thuận tuyến hoạt động.

#### **Điều 14. Vé hành khách, hợp đồng vận tải và danh sách hành khách**

##### **1. Vé hành khách**

Ngoài việc thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 34/2019/TT-BGTVT ngày 06 tháng 9 năm 2019 Sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về vận tải đường thủy nội địa; đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch bằng đường thủy nội địa và đơn vị kinh doanh dịch vụ vui chơi giải trí dưới nước phải thực hiện các quy định sau:

a) Lập hồ sơ kê khai giá gửi Sở Giao thông vận tải, Cục thuế tỉnh hoặc Chi cục thuế nơi đơn vị kinh doanh vận tải đặt trụ sở đăng ký kinh doanh.

b) Kê khai giá lần đầu được thực hiện khi đơn vị bắt đầu tham gia kinh doanh hoặc lần đầu thực hiện kê khai giá theo quy định này.

c) Kê khai lại giá được thực hiện khi đơn vị kinh doanh vận tải điều chỉnh tăng, giảm vượt mức 3% so với mức giá đã kê khai liền kề trước đó do các yếu tố hình thành giá thay đổi. Trường hợp tổng điều chỉnh tăng, giảm giá trong phạm vi 3% so với mức giá đã kê khai liền kề trước đó, đơn vị không phải thực hiện kê khai lại, nhưng phải gửi thông báo bằng văn bản về mức giá điều chỉnh về Sở Giao thông vận tải, Cục thuế tỉnh hoặc Chi cục thuế nơi đơn vị kinh doanh vận tải đặt trụ sở đăng ký kinh doanh trước khi áp dụng.

##### **2. Hợp đồng vận tải, danh sách hành khách**

a) Tàu, thuyền du lịch phải có hợp đồng vận tải bằng văn bản và danh sách hành khách theo từng chuyến vận tải cụ thể.

b) Hợp đồng vận tải phải được đàm phán và ký kết trước khi thực hiện chuyến vận tải giữa đơn vị kinh doanh vận tải với người thuê vận tải có nhu cầu thuê cả chuyến vận tải.

c) Đơn vị kinh doanh vận tải chỉ được ký hợp đồng vận tải với người thuê vận tải có nhu cầu thuê cả chuyến vận tải và chỉ được đón, trả khách theo đúng địa điểm ghi trong hợp đồng vận tải đã ký kết; không được gom khách, đón khách ngoài danh sách hành khách.

d) Khi vận tải, ngoài các giấy tờ phải mang theo theo quy định của Luật Giao thông đường thủy nội địa, Thuyền trưởng còn phải mang theo hợp đồng vận tải bằng văn bản giấy của đơn vị kinh doanh vận tải đã ký kết và danh sách hành khách có dấu xác nhận của đơn vị kinh doanh vận tải (trừ trường hợp sử dụng hợp đồng điện tử). Trường hợp sử dụng hợp đồng điện tử, thuyền trưởng phải có thiết bị để truy cập được nội dung của hợp đồng điện tử và danh sách hành khách do đơn vị kinh doanh vận tải cung cấp.

đ) Các nội dung tối thiểu bắt buộc có trong Hợp đồng vận tải gồm: số đăng ký phương tiện, số lượng hành khách vận tải, thời gian, hành trình chuyến đi (tên cảng, bến phương tiện đón khách; thời gian đón, trả khách; lộ trình, tên cảng, bến đón, trả khách dọc tuyến (nếu có) và tên cảng, bến trả khách).

e) Danh sách hành khách theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 34/2019/TT-BGTVT ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải.

3. Đơn vị kinh doanh vận tải thực hiện việc kê khai, nộp thuế và miễn giảm giá vé đối với các đối tượng ưu tiên theo quy định.

### **Điều 15. Trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ phương tiện, người thuê phương tiện**

1. Thực hiện quy định tại Điều 4 Thông tư số 39/2019/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2019 và khoản 2 Điều 1 Thông tư 34/2019/TT-BGTVT ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải.

2. Xây dựng phương án kinh doanh, bố trí phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện và nhân viên phục vụ hoạt động phải đảm bảo điều kiện quy định tại Điều 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 của quy định này, tương ứng với hình thức kinh doanh.

3. Có quyết định phân công trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể cho thuyền viên, người lái phương tiện, nhân viên phục vụ và phổ biến, giám sát trực tiếp đến từng đối tượng thực hiện. Thường xuyên kiểm tra để có biện pháp khắc phục kịp thời những thiếu sót, vi phạm và chịu trách nhiệm về các hoạt động của thuyền viên, người lái phương tiện và nhân viên phục vụ trong quá trình hoạt động.

4. Kiểm tra các điều kiện an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện, các điều kiện của thuyền viên, người lái phương tiện và nhân viên phục vụ đảm bảo đầy đủ các điều kiện theo quy định này trước khi hoạt động.

5. Trực tiếp chịu trách nhiệm hoặc liên đới chịu trách nhiệm về các hoạt động liên quan đến sự cố xảy ra đối với phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện và nhân viên phục vụ trên phương tiện.

6. Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường và tuân thủ các tiêu chuẩn về môi trường theo quy định. Khắc phục ô nhiễm môi trường do hoạt động của phương tiện mình gây ra.

7. Thực hiện:

a) Ký hợp đồng thu gom, xử lý chất thải trên phương tiện, chất thải từ bể phốt nhà vệ sinh với cơ quan bảo vệ môi trường theo quy định.

b) Ký hợp đồng vận tải, lập danh sách hành khách vận tải với người thuê vận tải trước khi thực hiện chuyến vận tải và giao hợp đồng vận tải, danh sách hành khách vận tải cho thuyền trưởng mang theo khi phương tiện hoạt động.

c) Lắp đặt và duy trì tình trạng hoạt động liên tục của camera, thiết bị giám sát hành trình trên phương tiện phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia theo quy định. Cung cấp địa chỉ truy cập và thay đổi (nếu có) vào thiết bị giám sát hành trình lắp đặt trên phương tiện, gồm: đường dẫn truy cập, tên đăng nhập, mật khẩu về Sở Giao thông vận tải và Ban quản lý cảng, bến thuyền du lịch nơi phương tiện vào, rời cảng, bến đón trả khách để theo dõi, giám sát.

d) Vệ sinh phương tiện sạch sẽ trước khi đưa phương tiện vào hoạt động.

đ) Không được tổ chức chào mời, lôi kéo khách đi thuyền gây mất trật tự ở cảng, bến thuyền.

e) Đón, trả khách tại cảng, bến khách được công bố hoặc cấp phép hoạt động; hợp đồng vận tải phải được ký kết trước khi thực hiện vận tải và thu cước vận tải theo giá trị hợp đồng đã ký kết.

### **Điều 16. Trách nhiệm của khách du lịch**

1. Thực hiện quy định tại Điều 10 Thông tư liên tịch số 22/2012/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 26 tháng 6 năm 2012 của liên bộ Giao thông vận tải - Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Thực hiện các quy định về an ninh trật tự, nội quy an toàn, bảo vệ môi trường và hướng dẫn thực hiện các biện pháp an toàn của thuyền trưởng hoặc người lái phương tiện.

3. Mua vé hành khách hoặc trả cước phí vận tải theo đúng quy định; mua đầy đủ vé tham quan các tuyến, điểm du lịch,... theo quy định; thanh toán chi phí dịch vụ theo đúng thỏa thuận.

4. kê khai trung thực, đúng các nội dung khi chủ phương tiện lập danh sách hành khách.

5. Có mặt tại nơi phương tiện xuất phát đúng thời gian quy định hoặc đã thỏa thuận.

6. Không mang theo hành lý thuộc loại hàng hóa mà pháp luật cấm lưu thông, cấm vận tải chung với người.

7. Tuân thủ các nội quy về an toàn và bảo vệ môi trường tại các cảng, bến, trên các phương tiện thủy và những điểm, khu du lịch; không xả các chất thải, rác thải xuống đường thủy nội địa; không mang hóa chất độc hại, chất nổ, chất dễ gây cháy khi tham gia các hoạt động du lịch.

8. Thực hiện các quy định tại Bộ Quy tắc ứng xử văn minh du lịch ban hành kèm theo Quyết định số 718/QĐ-BVHTTDL ngày 02 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Quy tắc ứng xử văn minh du lịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

**Mục 4****CẢNG, BẾN THUYỀN DU LỊCH VÀ KHU VỰC NEO ĐẬU****Điều 17. Quy định về cảng, bến thuyền du lịch và khu vực neo đậu****1. Điều kiện hoạt động của cảng, bến thuyền du lịch**

a) Đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật về cảng, bến khách quy định tại Quyết định 31/2004/QĐ-BGTVT ngày 21 tháng 12 năm 2004 của Bộ Giao thông vận tải ban hành tiêu chuẩn cấp kỹ thuật cảng thủy nội địa, tiêu chuẩn bến thủy nội địa, có giấy phép hoạt động bến thủy nội địa hoặc quyết định công bố hoạt động cảng thủy nội địa còn hiệu lực của cơ quan thẩm quyền.

b) Có phương tiện cứu hộ, cứu nạn, trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy và các phương tiện khác bảo đảm an toàn, an ninh trật tự và bảo vệ môi trường.

c) Có đủ cọc neo, đệm chống va và báo hiệu theo quy tắc báo hiệu đường thủy nội địa; có cầu dẫn cho người lên xuống thuận tiện, an toàn. Nếu hoạt động ban đêm phải có đèn chiếu sáng khu vực hành khách lên xuống.

d) Có nhà chờ, điểm bán vé, khu vệ sinh và đường ra, vào thuận tiện, đảm bảo người khuyết tật tiếp cận.

đ) Có bảng thông tin hướng dẫn cho khách du lịch về tuyến, điểm du lịch; các công trình phụ trợ phục vụ khách du lịch bằng hai thứ tiếng Anh và tiếng Việt đảm bảo thẩm mỹ, đặt ở vị trí dễ quan sát.

e) Có bảng nội quy cảng, bến và hòm thư góp ý rõ ràng bằng hai thứ tiếng Anh và tiếng Việt.

g) Có bãi đỗ xe thuận tiện cho hành khách tiếp cận bằng phương tiện cơ giới đường bộ.

h) Văn phòng làm việc có đầy đủ trang, thiết bị, nhân lực làm việc theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao, có máy tính kết nối internet và Camera giám sát. Cán bộ, nhân viên làm việc tại cảng, bến thuyền du lịch phải mang đồng phục, đeo thẻ tên và có thái độ nhã nhặn, văn minh, lịch sự, hướng dẫn tận tình, chu đáo.

i) Có hệ thống loa phát thanh.

**2. Khu vực neo đậu**

a) Có phương tiện cứu hộ, cứu nạn, trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy và các phương tiện khác bảo đảm an toàn, an ninh trật tự và bảo vệ môi trường.

b) Trang thiết bị neo đậu phương tiện phải đảm bảo an toàn.

c) Được cơ quan thẩm quyền công bố hoặc cấp giấy phép hoạt động theo quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa.

3. Quản lý cảng, bến thuyền du lịch và khu vực neo đậu.

Thực hiện theo quy định tại Thông tư 50/2014/TT-BGTVT ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải.

**Điều 18. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban quản lý cảng, bến thuyền du lịch**

1. Thực hiện kiểm tra, cấp giấy phép ra, vào cảng, bến cho phương tiện.

2. Huy động người, phương tiện, thiết bị tham gia tìm kiếm cứu nạn; phòng chống bão lũ; chữa cháy và khắc phục ô nhiễm môi trường.

3. Theo dõi và phối hợp xử lý những hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong vùng nước cảng, bến thủy nội địa.

4. Theo dõi, giám sát hoạt động của phương tiện qua thiết bị giám sát hành trình lắp đặt trên phương tiện. Nhắc nhở, chấn chỉnh, xử lý hoặc phối hợp xử lý nghiêm các trường hợp cố tình vi phạm qua theo dõi từ thiết bị giám sát hành trình.

5. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành về giao thông đường thủy nội địa của Cảng vụ đường thủy nội địa tại cảng, bến thuyền du lịch.

6. Quy định nơi neo đậu cho phương tiện tại cảng, bến.

7. Tiếp nhận và xác nhận đăng ký mẫu trang phục, thẻ tên thuyền viên, người lái phương tiện và nhân viên phục vụ của đơn vị kinh doanh vận tải.

8. Xác nhận, lưu trữ danh sách hành khách đi thuyền và thông tin tuy cập vào thiết bị giám sát hành trình lắp đặt trên phương tiện.

9. Kiểm tra điều kiện hoạt động của phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện và nhân viên phục vụ đảm bảo đầy đủ theo quy định trước khi cấp phép phương tiện rời cảng, bến, gồm:

a) Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện.

b) Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện.

c) Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, bằng, chứng chỉ chuyên môn, trang phục, thẻ tên,... của thuyền viên, người lái phương tiện, nhân viên phục vụ.

d) Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ phương tiện đối với hành khách và người thứ ba.

đ) Hợp đồng vận tải, vé hành khách, danh sách hành khách đi thuyền.

e) Các trang, thiết bị an toàn như: trang, thiết bị cứu sinh, cứu đuối, cứu hỏa và các điều kiện về an toàn, an ninh, bảo vệ môi trường, thẩm mỹ,...

h) Trình trạng hoạt động của thiết bị giám sát hành trình và Camera lắp đặt trên phương tiện.

10. Tiếp nhận và thông báo tình hình luồng, tuyến cho phương tiện tại cảng, bến.
11. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện những quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường thủy nội địa.
12. Kiểm tra điều kiện an toàn đối với cảng, bến, luồng, báo hiệu và các công trình khác có liên quan trong phạm vi cảng, bến. Khi phát hiện có dấu hiệu mất an toàn phải thông báo cho tổ chức, cá nhân có trách nhiệm xử lý kịp thời.
13. Giám sát việc khai thác, sử dụng cảng, bến bảo đảm an toàn; yêu cầu tổ chức cá nhân khai thác cảng, bến tạm ngừng khai thác cảng hoặc kiến nghị đình chỉ hoạt động khi xét thấy có ảnh hưởng đến an toàn cho người và phương tiện.
14. Tổ chức tìm kiếm, cứu người, hàng hóa, phương tiện bị nạn trong vùng nước cảng, bến quản lý.
15. Huy động phương tiện, thiết bị, nhân lực trong khu vực cảng, bến để tham gia cứu người, hàng hóa, phương tiện và xử lý ô nhiễm môi trường trong phạm vi cảng, bến.
16. Chủ trì kiểm tra, giám sát thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu tại cảng, bến và các phương tiện thủy nội địa, trong vùng nước quản lý; tham gia lập biên bản, kết luận nguyên nhân tai nạn, sự cố xảy ra trong vùng nước cảng, bến; yêu cầu các bên liên quan khắc phục hậu quả tai nạn.
17. Xử phạt vi phạm hành chính; thu phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.
18. Theo dõi, giám sát việc xếp hành khách lên phương tiện trong vùng đất, vùng nước cảng, bến quản lý.
19. Chủ trì, phối hợp hoạt động với các cơ quan quản lý nhà nước khác thực hiện công tác bảo đảm bảo trật tự an toàn giao thông trong khu vực cảng, bến. Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan khi có nhu cầu kiểm tra, làm việc tại cảng, bến.
20. Xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện; tham gia xây dựng quy hoạch phát triển đường thủy nội địa, cảng, bến thủy nội địa trong phạm vi quản lý khi có yêu cầu.
21. Thực hiện những nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở Giao thông vận tải giao.

### **Điều 19. Quy định phương tiện vào và rời cảng, bến đón, trả khách**

1. Thủ tục phương tiện vào và rời cảng, bến đón, trả khách thực hiện theo quy định tại Điều 15, 16 Thông tư 50/2014/TT-BGTVT ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải.
2. Hợp đồng vận tải, danh sách hành khách đi thuyền được lưu giữ 01 bản tại Ban quản lý cảng, bến nơi phương tiện làm thủ tục rời bến thực hiện chuyến hành trình.
3. Ban quản lý cảng, bến thuyền sắp xếp, bố trí phương tiện đậu đỗ đúng nơi quy định, đảm bảo trật tự, an toàn. Kiểm tra đầy đủ các điều kiện về hoạt động của phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện, nhân viên phục vụ theo quy định của pháp luật và theo quy định này trước khi cấp giấy phép phương tiện rời, vào cảng, bến.

4. Không làm thủ tục rời cảng, bến trong các trường hợp sau:

a) Khi phương tiện không đảm bảo các điều kiện an toàn, phương tiện, chủ phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện và nhân viên phục vụ vi phạm quy định này hoặc vi phạm nội quy cảng, bến, hợp đồng, cam kết đã được ký kết giữa chủ phương tiện với Ban quản lý cảng, bến.

b) Không có vé hành khách hoặc hợp đồng vận tải, danh sách hành khách; thiết bị giám sát hành trình, Camera giám sát không hoạt động theo quy định.

c) Khi thời tiết có diễn biến xấu, phức tạp theo thông báo của Trung tâm dự báo khí tượng thủy văn tỉnh và khi điều kiện thời tiết có cấp gió vượt quá mức cho phép đối với cấp kỹ thuật của phương tiện.

d) Trong trường hợp thời tiết có diễn biến đột xuất, Ban quản lý cảng, bến trực tiếp xem xét giải quyết việc ngưng hay tiếp tục cấp giấy phép rời bến cho phương tiện trên cơ sở đảm bảo an toàn. Khi ngừng hay tiếp tục cấp lại phải thông báo công khai cho các bên liên quan được biết.

đ) Các trường hợp vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

### **Chương III**

## **QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG PHƯƠNG TIỆN PHỤC VỤ VUI CHƠI, GIẢI TRÍ DƯỚI NƯỚC**

### **Điều 20. Điều kiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước**

Tổ chức, cá nhân tổ chức, hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

1. Có vùng hoạt động đảm bảo các điều kiện quy định, được cơ quan thẩm quyền chấp thuận hoặc công bố hoạt động.

2. Phương tiện phục vụ vui chơi giải trí dưới nước phải được đăng ký, đăng kiểm theo quy định.

3. Tùy thuộc công suất máy chính lắp đặt trên phương tiện phục vụ vui chơi giải trí dưới nước, người lái phương tiện phục vụ vui chơi giải trí dưới nước phải có giấy chứng nhận lái phương tiện hoặc phải được hướng dẫn về kỹ năng an toàn và phải đảm bảo về sức khỏe theo quy định.

4. Có cảng, bến, khu vực neo đậu để phương tiện phục vụ vui chơi giải trí dưới nước neo đậu, đón, trả khách được Sở Giao thông vận tải cấp phép hoạt động.

5. Thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

6. Không tổ chức hoạt động phương tiện vui chơi, giải trí dưới nước đối với phương tiện cao tốc, cano, moto nước,... trên các tuyến sông, hồ.

7. Người hướng dẫn về kỹ năng an toàn tối thiểu phải có giấy chứng nhận lái phương tiện theo quy định.

### **Điều 21. Quy định về vùng hoạt động**

1. Thẩm quyền, thủ tục và trình tự chấp thuận vùng hoạt động vui chơi giải trí dưới nước tại vùng 1:

a) Thực hiện theo quy định tại Điều 9, Điều 10 Chương III Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ.

b) Sở Giao thông vận tải chấp thuận vùng vui chơi, giải trí tại vùng 1 trên tuyến đường thủy nội địa địa phương và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ, thủ tục chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng 1 trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia.

c) Cảng vụ Hàng hải Thừa Thiên Huế hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ, thủ tục chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng 1 trên vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải.

2. Thẩm quyền, thủ tục và trình tự công bố vùng hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng 2:

a) Thực hiện theo quy định tại Điều 11, Điều 12 Chương III Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ.

b) Giao Sở Giao thông vận tải:

Chủ trì phối hợp với các Sở, ban ngành, chính quyền địa phương và tổ chức, cá nhân liên quan tiến hành kiểm tra các điều kiện về địa điểm, quy mô, biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn, cứu hộ, cứu nạn và ngăn ngừa ô nhiễm, ảnh hưởng đến hoạt động đánh bắt, nuôi trồng thủy, hải sản,... đối với vùng hoạt động và có văn bản tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trước khi Ủy ban nhân dân tỉnh thỏa thuận đầu tư, công bố vùng hoạt động.

Quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước và vùng hoạt động đã được công bố hoạt động.

Tùy thuộc tình hình thực tế, xem xét tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về số lượng của tổ chức, cá nhân và phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước hoạt động trên vùng đã được công bố.

c) Tổ chức, cá nhân khác muốn tổ chức, hoạt động vui chơi, giải trí trên vùng hoạt động đã được công bố phải có văn bản thỏa thuận, thống nhất về chi phí đầu tư ban đầu với tổ chức, cá nhân đã được công bố hoạt động và tùy thuộc vào số lượng phương tiện đã hoạt động trên vùng.



d) Thủ tục đóng, không cho phép hoạt động vui chơi giải trí tại vùng 2: thực hiện theo quy định tại Điều 13 Chương III Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ.

### **Điều 22. Quy định về đăng ký phương tiện**

1. Phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước phải được đăng ký theo quy định, trừ:

a) Phương tiện đã được đăng ký theo các quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa hoặc pháp luật về hàng hải.

b) Phương tiện thô sơ chở dưới 5 người hoặc bè hoạt động ở vùng 1 (trên luồng đường thủy nội địa).

2. Quy định về đăng ký, xóa đăng ký, tên, số đăng ký, kẻ số đăng ký, cơ quan đăng ký, thủ tục đăng ký lần đầu, thủ tục đăng ký lại, thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, thủ tục xóa đăng ký phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước thực hiện theo quy định tại Điều 14, 15, 16, 17, 19, 20, 21, 22, 23 Chương IV Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ.

3. Sở Giao thông vận tải tổ chức thực hiện và quản lý đăng ký, quản lý phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước thuộc diện không đăng ký, đăng kiểm trên địa bàn tỉnh.

### **Điều 23. Quy định về đăng kiểm phương tiện**

1. Phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước phải được đăng kiểm theo quy định, trừ:

a) Phương tiện thô sơ, không có động cơ hoạt động ở vùng 1 (trên luồng đường thủy nội địa);

b) Phương tiện có động cơ có công suất máy chính dưới 5cv hoặc chở dưới 5 người hoạt động ở vùng 1 (trên luồng đường thủy nội địa).

2. Cơ quan thực hiện đăng kiểm phương tiện: Chi cục Đăng kiểm số 13 - Huế.

### **Điều 24. Quy định đối với phương tiện không đăng ký, đăng kiểm**

1. Đảm bảo điều kiện về an toàn theo quy định tại điểm a mục 3 khoản 7 Điều 1 Luật Bổ sung, sửa đổi một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa.

2. Có bản kê khai điều kiện an toàn đối với phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước không đăng ký, đăng kiểm theo mẫu quy định tại Phụ lục (kèm theo).

3. Chủ phương tiện có trách nhiệm lập bản kê khai điều kiện an toàn đối với phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước không đăng ký, đăng kiểm, có trách nhiệm duy trì và chịu trách nhiệm đảm bảo các điều kiện an toàn cho phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước trong suốt thời gian hoạt động.

4. Bản kê khai điều kiện an toàn phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước không đăng ký, đăng kiểm được chủ phương tiện lập thành 3 bản, trong đó: một bản gửi Sở Giao thông vận tải, một bản lưu chủ phương tiện, một bản lưu ở phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước để trình cơ quan chức năng khi kiểm tra, kiểm soát.

#### **Điều 25. Quy định về người lái phương tiện**

1. Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ.

2. Người lái phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước, người tham gia hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước bắt buộc phải mặc áo phao trong suốt thời gian tham gia hoạt động.

3. Áo phao trang bị cho người lái phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước và người tham gia vui chơi, giải trí dưới nước phải thỏa mãn quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chế tạo và kiểm tra thiết bị cứu sinh dùng cho phương tiện thủy nội địa QCVN 85:2015/BGTVT.

#### **Điều 26. Quy định về cảng, bến, khu vực neo đậu**

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 17 của Quy định này.

2. Các cảnh báo, chỉ dẫn về điều kiện khí hậu, thời tiết, sức khỏe và các yếu tố liên quan khi cung cấp dịch vụ; khuyến cáo các trường hợp không được tham gia hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước phải được niêm yết trên bảng rõ ràng, dễ hiểu, đặt ở vị trí dễ thấy tại nhà chờ hành khách.

#### **Điều 27. Quy định về thời gian hoạt động**

1. Thời gian hoạt động trong ngày của phương tiện vui chơi, giải trí dưới nước được quy định như sau:

a) Phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước cao tốc, cano, moto nước: từ 5 giờ 00 phút đến 19 giờ 00 phút.

b) Các phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước còn lại: từ 5 giờ 00 phút đến 22 giờ 00 phút.

2. Phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước không hoạt động trong điều kiện thời tiết có diễn biến phức tạp, giông, bão và lũ lụt.

#### **Điều 28. Điều kiện đối với đơn vị kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí dưới nước**

1. Đáp ứng đủ các quy định tại Điều 20 của Quy định này.

2. Đơn vị kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí dưới nước phải là doanh nghiệp, hợp tác xã được thành lập theo quy định của pháp luật, có đăng ký ngành nghề kinh doanh cung cấp dịch vụ bằng phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước.

3. Đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2 (trừ điểm d), khoản 3 Điều 14 của Quy định này.

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 29. Sở Giao thông Vận tải**

1. Cơ quan thường trực, tổ chức giám sát việc thực hiện Quy định này và tổng hợp, đề xuất các biện pháp giải quyết các phát sinh trong quá trình thực hiện Quy định này.
2. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong hoạt động vận tải khách du lịch bằng phương tiện thủy nội địa.

#### **Điều 30. Sở Du lịch**

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các cơ quan liên quan tổ chức tập huấn nghiệp vụ du lịch cho thuyền viên, người lái phương tiện và nhân viên phục vụ trên phương tiện.
2. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các cơ quan có liên quan kiểm tra, xử lý vi phạm quy định về bảo đảm an toàn cho khách du lịch của các phương tiện và tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải khách du lịch bằng phương tiện thủy nội địa.
3. Phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ phục vụ khách du lịch; các chất lượng, tiêu chuẩn về dịch vụ trên thuyền du lịch.
4. Xác nhận phương tiện đạt tiêu chuẩn vận chuyển khách du lịch theo quy định.

#### **Điều 31. Sở Văn hoá - Thể thao**

1. Chủ trì phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Sở Du lịch, các tổ chức, cá nhân liên quan xây dựng, tham mưu UBND tỉnh ban hành mẫu phương tiện du lịch phù hợp với cảnh quan môi trường hoạt động.
2. Thực hiện việc quản lý nhà nước chuyên ngành về hoạt động ca Huế trên phương tiện theo quy định.
3. Tổ chức tập huấn, cấp giấy chứng nhận lái phương tiện cho người lái phương tiện vui chơi, giải trí dưới nước.

#### **Điều 32. Công an tỉnh**

1. Đảm bảo an ninh trật tự đối với hoạt động của phương tiện, công tác phòng chống cháy nổ, quản lý lưu trú và các lĩnh vực có liên quan theo quy định của pháp luật.
2. Là cơ quan thường trực cứu hộ, cứu nạn; chủ động phối hợp với các ngành, địa phương liên quan giải quyết các sự cố xảy ra trên đường thủy nội địa.
3. Chỉ đạo lực lượng công an phường, xã tăng cường công tác phối hợp với Ban quản lý cảng, bến đảm bảo trật tự an ninh tại khu vực cảng, bến.
4. Chỉ đạo phòng Cảnh sát Giao thông và các lực lượng công an tăng cường công tác tuần tra kiểm soát hoạt động của các phương tiện vận tải khách du lịch, kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa.

**Điều 33. Ban Quản lý cảng, bến thuyền du lịch**

1. Thực hiện các quy định tại Điều 9, Điều 10 và Điều 11 Quy định này.
2. Quản lý và chuẩn bị các điều kiện đảm bảo yêu cầu về an toàn, thuận tiện cho khách và thuyền du lịch ra, vào tại các cảng, bến thuyền du lịch.
3. Tổ chức hướng dẫn, giám sát chung các hoạt động của thuyền du lịch trong việc chấp hành quy định về hành trình, điểm neo đậu, bảo vệ cảnh quan môi trường trên, chất lượng dịch vụ các tuyến đường thủy nội địa.
4. Phối hợp với lực lượng công an, chính quyền địa phương trong công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn tại khu vực cảng, bến thuyền du lịch.
5. Bố trí nơi bán vé và thực hiện niêm yết giá vé theo quy định tại cảng, bến thuyền trong trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải ủy thác.

**Điều 34. Sở Tài nguyên và Môi trường**

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước môi trường và thực hiện các nhiệm vụ, trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Quy định này.

**Điều 35. Sở Y tế**

1. Quy định danh mục thuốc thông thường và thiết bị y tế trên thuyền du lịch.
2. Tổ chức tập huấn, cấp giấy chứng nhận về nghiệp vụ sơ, cấp cứu y tế; kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm cho chủ phương tiện; thuyền viên, người lái phương tiện và nhân viên phục vụ.

**Điều 36. Sở Tài chính**

1. Quản lý nhà nước về giá dịch vụ sử dụng cảng, bến thủy nội địa trên địa bàn tỉnh.
2. Thẩm định phương án giá dịch vụ sử dụng cảng, bến thủy nội địa trên địa bàn tỉnh theo quy định.

**Điều 37. Cục Thuế tỉnh**

1. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn pháp luật về thuế; công khai các thủ tục về thuế theo đúng quy định của pháp luật. Kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật thuế, phí và xử lý vi phạm theo thẩm quyền.
2. Thực hiện các biện pháp quản lý thuế đối với hoạt động vận tải khách du lịch bằng đường thủy nội địa.

**Điều 38. UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế**

1. Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh vận tải khách du lịch bằng đường thủy nội địa trên địa bàn quản lý.

2. Kiểm tra, xử lý các vi phạm pháp luật về tổ chức, quản lý trong vận tải khách du lịch bằng phương tiện thủy nội địa trên địa bàn quản lý theo quy định này và các quy định khác của pháp luật.

3. Tổ chức đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường cho các chủ thuyền du lịch theo quy định; Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các nội dung đã ghi trong bản cam kết bảo vệ môi trường của các thuyền du lịch.

4. Xây dựng phương án giá dịch vụ sử dụng cảng, bến thủy nội địa quản lý theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 1 Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2017 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành kèm theo Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2015 của UBND tỉnh.

5. Chủ trì trong việc chăm sóc, hỗ trợ ban đầu cho khách du lịch khi gặp nạn trên các tuyến đường thủy nội địa thuộc địa bàn quản lý.

### **Điều 39. Điều khoản thi hành**

1. Sở Giao thông vận tải trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện và kiểm tra việc tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc, phát sinh đề nghị phản ánh về Sở Giao thông Vận tải để nghiên cứu, tổng hợp trình UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung phù hợp.

### **Điều 40. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Phương tiện vận tải khách du lịch lắp động cơ 01 (một) xy-lanh được phép hoạt động cho đến khi hết niên hạn sử dụng.

2. Phương tiện vận tải khách du lịch được đóng mới hoặc hoán cải động cơ sau ngày Quy định này có hiệu lực phải thực hiện theo quy định tại khoản 16 Điều 4 của Quy định này.

3. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu trong Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy định của các văn bản mới./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 62/2021/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 04 tháng 10 năm 2021

### **QUYẾT ĐỊNH**

#### **Ban hành Quy định Quản lý, vận hành và tích hợp ứng dụng Hue-S**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;*

*Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

*Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh tại Tờ trình số 1490/TTr-STTTT ngày 31 tháng 8 năm 2021.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định Quản lý, vận hành và tích hợp ứng dụng Hue-S.

#### **Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2021.

#### **Điều 3. Trách nhiệm thi hành**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thanh Bình**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

**Quản lý, vận hành và tích hợp ứng dụng Hue-S**  
*(Kèm theo Quyết định số 62/2021/QĐ-UBND ngày 04/10/2021  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)*

### **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về việc quản lý, vận hành, tích hợp và cung cấp dịch vụ trên nền tảng ứng dụng Hue-S tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh; các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh; Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia thực hiện cung cấp dịch vụ trên nền tảng ứng dụng Hue-S.

2. Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân khi tham gia tích hợp, khai thác ứng dụng, dịch vụ trên nền tảng Hue-S tỉnh Thừa Thiên Huế.

#### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy định này các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Hue-S là nền tảng ứng dụng trên môi trường di động cung cấp các công cụ phục vụ cho phát triển Chính quyền số, dịch vụ đô thị thông minh, nền tảng hỗ trợ cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tích hợp các sản phẩm dịch vụ, là ứng dụng kết nối giữa nhà nước và người dân, giữa nhà nước và doanh nghiệp trên nền tảng di động, đầu mối thiết lập kết nối giữa doanh nghiệp và người dân trong cung ứng sản phẩm, hàng hóa dịch vụ.

2. Xác thực định danh là quá trình thiết lập, xác thực các thông tin điện tử phục vụ việc xác định duy nhất một cá nhân, tổ chức tham gia ứng dụng Hue-S.

3. Bảo mật thông tin là bảo vệ thông tin dữ liệu cá nhân, tổ chức tham gia ứng dụng Hue-S.

4. Người sử dụng là tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đăng ký tài khoản tham gia sử dụng ứng dụng Hue-S.

#### **Điều 4. Nguyên tắc hoạt động**

1. Tuân thủ quy định pháp luật về giao dịch điện tử, pháp luật bảo vệ bí mật nhà nước, pháp luật bảo vệ thông tin dữ liệu cá nhân và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

2. Ứng dụng Hue-S được xây dựng, triển khai và quản lý tập trung, thống nhất trong phạm vi toàn Tỉnh.

3. Vận hành liên tục 24 giờ/ngày và 07 ngày/tuần nhằm phục vụ tốt cho hoạt động của các cơ quan nhà nước và nhu cầu tương tác của các tổ chức, cá nhân.

#### **Điều 5. Nền tảng ứng dụng Hue-S**

1. Ứng dụng Hue-S là nền tảng mở sẵn sàng cho các hệ thống khác tích hợp cung cấp dịch vụ, ứng dụng.

2. Ứng dụng Hue-S là nền tảng tích hợp các ứng dụng phục vụ phát triển Chính quyền số, dịch vụ đô thị thông minh trên thiết bị di động.

3. Ứng dụng Hue-S là nền tảng sẵn sàng theo chuẩn thống nhất hỗ trợ cho các doanh nghiệp, tổ chức tích hợp các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

4. Ứng dụng Hue-S là nền tảng trên thiết bị di động thực hiện nhiệm vụ kết nối giữa nhà nước với người dân và doanh nghiệp trong quá trình xây dựng Chính quyền số, dịch vụ đô thị thông minh.

5. Ứng dụng Hue-S là nền tảng trung gian tạo lập kết nối giữa doanh nghiệp và người dân trong quá trình phát triển kinh tế số và xã hội số.

#### **Điều 6. Các phương thức tương tác trên nền tảng ứng dụng Hue-S**

1. Ứng dụng Hue-S hỗ trợ khai thác thông tin do cơ quan nhà nước cung cấp, doanh nghiệp tích hợp cung cấp.

2. Ứng dụng Hue-S chuyển tải nội dung của nhà nước đến người dân và doanh nghiệp thông qua các thông tin thông báo, cảnh báo các vấn đề toàn diện về mọi mặt của đời sống xã hội nhằm nâng cao công tác tuyên truyền, truyền thông các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước.

3. Ứng dụng Hue-S là một trong những kênh thông tin tiếp nhận các phản ánh, kiến nghị, góp ý của người dân trên toàn tỉnh. Cung cấp công cụ giám sát công khai việc thực hiện ý kiến phản ánh của các cơ quan nhà nước, tổ chức tương tác và đánh giá mức độ hài lòng.

4. Ứng dụng Hue-S cung cấp thông tin cho người dân các sản phẩm, dịch vụ thiết yếu phục vụ cho đời sống được các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ liên kết tích hợp vào.

5. Ứng dụng Hue-S cung cấp các dịch vụ trực tuyến cho người dân trên toàn diện các lĩnh vực, ngành nghề ngoại trừ những ngành nghề không được phép theo quy định của pháp luật.

6. Ứng dụng Hue-S cung cấp các công nghệ số phục vụ nhu cầu thụ hưởng của người dân theo quy định của pháp luật.



## Chương II

### XÁC ĐỊNH DANH VÀ BẢO MẬT THÔNG TIN

#### Điều 7. Định danh công dân

1. Mỗi công dân có nhu cầu cần phải đăng ký 01 tài khoản trên ứng dụng Hue-S để sử dụng dịch vụ.
2. Định danh công dân trên ứng dụng Hue-S được xác định bằng số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu.

#### Điều 8. Định danh doanh nghiệp, tổ chức

1. Mỗi doanh nghiệp, tổ chức có nhu cầu cần phải đăng ký 01 tài khoản tương ứng trên ứng dụng Hue-S để sử dụng dịch vụ.
2. Định danh doanh nghiệp, tổ chức trên ứng dụng Hue-S được xác định bằng mã số doanh nghiệp, tổ chức hoặc mã số thuế của chính đơn vị đó.

#### Điều 9. Bảo mật thông tin

1. Các tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ ứng dụng Hue-S phải tuân thủ các quy định về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và chịu trách nhiệm đối với mọi hoạt động trên tài khoản truy cập của mình. Đảm bảo thay đổi mật khẩu định kỳ, tối thiểu 90 ngày một lần (quy tắc đổi mật khẩu không sử dụng lại mật khẩu đã sử dụng, đặt mật khẩu đảm bảo trên 8 kí tự, có kí tự chữ cái hoa, chữ cái thường, kí tự đặc biệt và số).
2. Các cơ quan, đơn vị phát triển, cung cấp ứng dụng và Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo mật thông tin cá nhân, tổ chức người dùng ứng dụng Hue-S.

## Chương III

### XÂY DỰNG, TÍCH HỢP ỨNG DỤNG, DỊCH VỤ

#### Điều 10. Cơ quan hành chính nhà nước

1. Chủ trì phát triển các ứng dụng phục vụ phát triển Chính quyền số, dịch vụ đô thị thông minh thuộc lĩnh vực mình quản lý và đề xuất tích hợp lên nền tảng ứng dụng Hue-S.
2. Quá trình tích hợp ứng dụng đảm bảo tuân thủ quy định tiêu chuẩn kết nối theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông.
3. Tương tác, hỗ trợ với người dân, doanh nghiệp trong quá trình sử dụng dịch vụ do cơ quan nhà nước cung ứng thuộc thẩm quyền của đơn vị mình quản lý.

#### Điều 11. Doanh nghiệp, tổ chức

1. Chủ động phát triển cung cấp các sản phẩm, dịch vụ trên môi trường di động phục vụ dịch vụ đô thị thông minh và đề xuất tích hợp lên nền tảng ứng dụng Hue-S.
2. Quá trình tích hợp các sản phẩm, dịch vụ đảm bảo tuân thủ quy định tiêu chuẩn kết nối theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông.

3. Tương tác, hỗ trợ người dân sử dụng các sản phẩm, dịch vụ của đơn vị mình cung cấp; Cam kết chịu trách nhiệm theo đúng thỏa thuận hợp tác về các sản phẩm, dịch vụ của mình cung cấp trên nền tảng ứng dụng Hue-S.

#### **Điều 12. Người dân và toàn xã hội**

1. Người sử dụng có nhu cầu thực hiện cài đặt ứng dụng Hue-S, đăng ký và sử dụng dịch vụ để hưởng thụ các tiện ích của ứng dụng Hue-S.

2. Người sử dụng có quyền tương tác, đánh giá các dịch vụ đô thị thông minh trên nền tảng ứng dụng Hue-S.

3. Người sử dụng cung cấp đầy đủ thông tin theo yêu cầu của ứng dụng Hue-S, phải chịu trách nhiệm toàn bộ trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của các thông tin cung cấp.

### **Chương IV**

#### **QUẢN LÝ VÀ VẬN HÀNH ỨNG DỤNG**

#### **Điều 13. Thẩm quyền truy nhập, xử lý trên ứng dụng**

1. Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người có thẩm quyền truy cập, xử lý thông tin liên quan các ứng dụng, sản phẩm, dịch vụ của đơn vị mình cung cấp theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông.

2. Sở Thông tin và Truyền thông truy cập hệ thống để quản lý tài khoản người dùng và quản lý, vận hành kỹ thuật nền tảng ứng dụng Hue-S.

#### **Điều 14. Nâng cấp nền tảng**

Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh là đơn vị quản lý, vận hành kỹ thuật nền tảng ứng dụng Hue-S phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch bổ sung, nâng cấp và tham mưu Sở Thông tin và Truyền thông trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch bổ sung, nâng cấp khi thực tế triển khai phát sinh yêu cầu.

### **Chương V**

#### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 15. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông**

1. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan cấp quyền sử dụng cho các tổ chức, cá nhân đối với từng chức năng của Ứng dụng.

2. Xây dựng quy định tiêu chuẩn kết nối, liên thông dữ liệu; Xem xét, tích hợp ứng dụng của các cơ quan, đơn vị vào ứng dụng Hue-S khi có đề xuất, yêu cầu của các cơ quan, đơn vị đảm bảo theo quy định.

3. Tổ chức kiểm tra, theo dõi, đôn đốc việc sử dụng Ứng dụng của các cơ quan, đơn vị theo quy định, đồng thời, tổng hợp, báo cáo hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của UBND tỉnh.

4. Triển khai thông tin, tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng về hoạt động của ứng dụng Hue-S để các cá nhân, tổ chức được biết và hưởng ứng sử dụng.

**Điều 16. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn**

1. Giám đốc sở, Thủ trưởng cơ quan, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện Quy định và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả thực hiện.
2. Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn thực hiện Quy định và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố.
3. Bố trí cán bộ vận hành, hướng dẫn sử dụng các ứng dụng thuộc trách nhiệm của cơ quan, đơn vị mình.
4. Tổ chức phổ biến, tuyên truyền cho cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị sử dụng hiệu quả.

**Điều 17. Trách nhiệm của Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh**

1. Bảo đảm hạ tầng kỹ thuật trung tâm dữ liệu, an toàn và an ninh thông tin để quản lý, vận hành kỹ thuật nền tảng ứng dụng Hue-S hoạt động ổn định, thông suốt 24/7.
2. Quản trị ứng dụng Hue-S.
3. Chủ trì lập dự trù kinh phí hàng năm để duy trì, vận hành Ứng dụng Hue-S.
4. Tiếp nhận các góp ý, đề xuất, có kế hoạch khắc phục, cải tiến, nâng cấp để Ứng dụng Hue-S ngày càng hoàn thiện và sử dụng hiệu quả hơn.

**Điều 18. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân tham gia sử dụng**

Chịu trách nhiệm về các nội dung nhập vào Ứng dụng; bảo vệ tài khoản đăng nhập để tránh trường hợp bị lộ lọt, đánh cắp, chiếm quyền truy cập vào Hệ thống.

**Điều 19. Trách nhiệm thi hành**

1. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì tổ chức triển khai hướng dẫn thực hiện Quy định này trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.
2. Trong quá trình thực hiện Quy định, nếu có các vấn đề phát sinh mới, không phù hợp hoặc chưa được quy định rõ, các cơ quan, đơn vị có ý kiến gửi về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo trình UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh Quy định cho phù hợp với thực tế./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 63/2021/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 04 tháng 10 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định xây dựng, quản lý và khai thác Tủ sách Huế,  
Tủ sách Huế điện tử**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

*Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

*Căn cứ Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;*

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Thông tư số 07/2018/TT-BTTTT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện đặt hàng xuất bản phẩm sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 2070/TTr-STTTT ngày 15 tháng 9 năm 2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định xây dựng, quản lý và khai thác Tủ sách Huế, Tủ sách Huế điện tử.

**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3. Trách nhiệm thi hành**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế; các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thanh Bình**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

**Xây dựng, quản lý và khai thác Tủ sách Huế, Tủ sách Huế điện tử**  
*(Kèm theo Quyết định số 63/2021/QĐ-UBND  
ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)*

### **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách Huế, Tủ sách Huế điện tử trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia vào hoạt động xây dựng, quản lý và khai thác Tủ sách Huế, Tủ sách Huế điện tử.

#### **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

1. Tủ sách Huế là nơi lưu giữ, quản lý tất cả các xuất bản phẩm liên quan đến Huế, được gắn logo riêng của Tủ sách Huế đã được Ủy ban nhân dân tỉnh (UBND) Thừa Thiên Huế quyết định.

2. Tủ sách Huế điện tử hay App Tủ sách Huế, gồm cơ sở danh mục dữ liệu về các xuất bản phẩm liên quan đến Huế bao gồm nhiều lĩnh vực, các xuất bản phẩm đã được xuất bản nằm trong Tủ sách Huế được số hóa vào hệ thống này; được lưu giữ, quản lý dưới dạng số và được khai thác thông qua truy cập máy tính, các thiết bị điện tử và mạng viễn thông.

#### **Điều 3. Nguyên tắc xây dựng, tuyển chọn xuất bản phẩm vào Tủ sách Huế**

1. Xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách Huế phải phù hợp với yêu cầu của từng địa phương, cơ quan, đơn vị và nhu cầu khai thác sách của người sử dụng.

2. Xây dựng App Tủ sách Huế phải gắn với mục tiêu, lộ trình xây dựng Chính phủ điện tử; bảo đảm duy trì, khai thác sách tập trung, liên tục, lâu dài; khai thác, sử dụng tối đa hạ tầng công nghệ thông tin hiện có.

3. Thống nhất xây dựng, quản lý, khai thác xuất bản phẩm, tài liệu của Tủ sách Huế tại các Thư viện tổng hợp tỉnh Thừa Thiên Huế, Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao từ cấp tỉnh đến cấp huyện, các bảo tàng, trường học trên địa bàn tỉnh.

4. Các quy định về tiêu chí tuyển chọn xuất bản phẩm phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

5. Việc cập nhật, bổ sung xuất bản phẩm cho Tủ sách Huế phải được tiến hành định kỳ hàng năm. Xuất bản phẩm của Tủ sách Huế phải đa dạng về hình thức, nội dung nhằm đáp ứng nhu cầu tra cứu, khai thác thông tin về Huế của tổ chức, cá nhân.

6. Nhà nước chỉ ưu tiên các xuất bản phẩm theo danh mục đặt hàng nhà nước; các xuất bản phẩm xã hội hóa hoặc liên doanh liên kết, đơn vị quản lý xuất bản phải có chính sách bổ sung hàng năm.

#### **Điều 4. Yêu cầu về xây dựng Tủ sách Huế**

1. Tủ sách Huế nhằm tổ chức tái bản các xuất bản phẩm đã xuất bản và đặt hàng xuất bản các tác phẩm mới có chất lượng liên quan đến tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Tủ sách Huế có logo, bộ nhận diện riêng, khẳng định thương hiệu riêng của Tủ sách Huế.

3. Địa điểm đặt Tủ sách Huế được đặt tại Thư viện tổng hợp tỉnh Thừa Thiên Huế, Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao từ cấp tỉnh đến cấp huyện, các bảo tàng, trường học trên địa bàn tỉnh.

4. Xuất bản phẩm đặt hàng của Nhà nước được cung cấp đến các Tủ sách Huế trên địa bàn của tỉnh.

5. Xuất bản phẩm do các Nhà xuất bản liên doanh, liên kết, đăng ký tham gia Tủ sách Huế phải gắn logo nhận diện của Tủ sách Huế.

#### **Điều 5. Kinh phí xây dựng, tuyển chọn, quản lý Tủ sách Huế**

1. Kinh phí xây dựng, tuyển chọn, quản lý và khai thác Tủ sách Huế do ngân sách nhà nước bảo đảm, được bố trí trong dự toán chi thường xuyên được giao hàng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có). Việc lập dự toán, chấp hành dự toán, quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Kinh phí xây dựng, vận hành App Tủ sách Huế được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước và nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có), do Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì.

3. Khuyến khích các Nhà xuất bản, các công ty phát hành, cá nhân và tác giả trong nước và ngoài nước tham gia đóng góp, hỗ trợ kinh phí xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách Huế; mở rộng Tủ sách Huế tự quản ở cộng đồng hoặc xuất bản phẩm hợp pháp để xây dựng, tham gia vào Tủ sách Huế.

### **Chương II**

#### **TIÊU CHÍ TUYỂN CHỌN ÁN PHẨM CHO TỦ SÁCH HUẾ**

#### **Điều 6. Các tiêu chí cơ bản để lập danh mục các xuất bản phẩm vào Tủ sách Huế**

1. Danh mục xuất bản phẩm trước 1975

a) Danh mục xuất bản phẩm về Huế có giá trị lịch sử, văn hóa cao, xuất bản phẩm độc bản còn lưu giữ trong các tủ sách gia đình, tủ sách của các nhà nghiên cứu;

b) Danh mục xuất bản phẩm về nghiên cứu về Huế trên cơ sở dữ liệu về kho sách miền Nam;

c) Xác định mức độ từng sách quý, độc, giá trị cao nghiên cứu trên các lĩnh vực về địa phương, vùng đất và con người Huế.

## 2. Danh mục xuất bản phẩm mới

a) Các loại xuất bản phẩm từ điển, dư địa chí, dạng bách khoa toàn thư liên quan đến Thừa Thiên Huế;

b) Các xuất bản phẩm văn học nghệ thuật, văn hóa, lịch sử, kiến trúc liên quan đến Huế có giá trị cao;

c) Các xuất bản phẩm nghiên cứu Huế của các nhà nghiên cứu.

## 3. Danh mục xuất bản phẩm đã phê duyệt theo quy hoạch xuất bản - in - phát hành xuất bản phẩm

a) Sách bộ (sách nhiều tập), sách chuyên khảo về các đề tài lịch sử, văn hóa truyền thống của tỉnh Thừa Thiên Huế, của vùng văn hóa Huế (Lịch sử Đảng bộ tỉnh, các địa danh - danh nhân lịch sử và văn hóa tiêu biểu, các bộ sách đồ sộ về lịch sử, địa chí của triều Nguyễn; các công trình nghiên cứu về thời chúa Nguyễn, về triều đại Tây Sơn, triều Nguyễn, các bộ sách lớn của Quốc sử quán, của Nội các triều Nguyễn, sách viết về cách mạng chống Pháp, Mỹ, xây dựng đời sống mới từ khi đất nước thống nhất);

b) Xuất bản phẩm có nội dung chú trọng về văn hóa, văn học nghệ thuật gắn liền chủ đề xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước trên nền tảng của văn hóa truyền thống cổ đô Huế;

c) Xuất bản phẩm hướng dẫn du lịch giới thiệu về văn hóa Huế, các danh lam, thắng cảnh, địa điểm du lịch trong tỉnh;

d) Xuất bản phẩm có nội dung quảng bá, giới thiệu về các khu kinh tế lớn, tiềm năng phát triển kinh tế của tỉnh trên các phương diện công nghiệp, nông nghiệp, văn hóa du lịch, giáo dục và y tế;

đ) Hợp tác xuất bản các xuất bản phẩm nghiên cứu về khoa học công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa quê hương Thừa Thiên Huế; ứng dụng khoa học công nghệ trong nông nghiệp, nông thôn, bảo tồn và phát triển di sản văn hóa, trùng tu tôn tạo di tích.

## **Điều 7. Tiêu chí về tác giả, tác phẩm để tuyển chọn vào Tủ sách Huế**

1. Tác giả có đủ tư cách pháp nhân, năng lực hành vi dân sự.

2. Tác phẩm đăng ký vào danh mục tuyển chọn bảo đảm quyền tác giả và các quyền liên quan theo quy định của pháp luật, không tranh chấp.

3. Ưu tiên các cá nhân, tổ chức đăng ký tham gia, tự túc kinh phí thực hiện và được hưởng quyền và nghĩa vụ hợp pháp của Tủ sách Huế.

4. Khuyến khích các tác giả nước ngoài có tác phẩm viết về Huế có giá trị cao

a) Đảm bảo chất lượng, hiệu quả và phù hợp quy định của pháp luật hiện hành;

b) Các quy định về tiêu chí không vượt quá tiêu chuẩn, chế độ quy định hiện hành của Nhà nước;

c) Tác giả, tác phẩm bảo đảm, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 8. Quy định về Hội đồng tuyển chọn và Tổ giúp việc Tủ sách Huế**

1. Hội đồng tuyển chọn và Tổ giúp việc Tủ sách Huế được Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định thành lập; quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và hoạt động.

2. Chủ tịch Hội đồng căn cứ vào từng lĩnh vực, thể loại xuất bản phẩm cần thẩm định để mời các chuyên gia, nhà nghiên cứu, đại diện các ngành, lĩnh vực liên quan tham gia công tác thẩm định.

3. Xuất bản phẩm được tuyển chọn vào Tủ sách Huế có biên bản của Hội đồng tuyển chọn theo tiêu chí cơ bản tại quy định này và quy định tại Thông tư 07/2018/BTTTT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện đặt hàng xuất bản phẩm sử dụng ngân sách nhà nước.

**Điều 9. Quy trình xét chọn, in ấn và phát hành xuất bản phẩm thuộc Tủ sách Huế**

1. Cơ quan lập danh mục xuất bản phẩm: Sở Văn hóa và Thể thao; Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật tỉnh, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh; Phân viện Nghiên cứu văn hóa, nghệ thuật quốc gia Việt Nam tại Huế; Viện Nghiên cứu phát triển tỉnh.

2. Cơ quan tổng hợp, đề xuất danh mục xuất bản phẩm: Sở Thông tin và Truyền Thông.

3. Hội đồng tuyển chọn tổ chức lựa chọn, lập danh sách, thẩm định xuất bản phẩm phù hợp tham gia vào Tủ sách Huế; chịu trách nhiệm về chất lượng và tính chính xác về nội dung, hình thức của xuất bản phẩm được lựa chọn.

4. Cơ quan quyết định việc xuất bản xuất bản phẩm được chọn: Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Cơ quan thực hiện quy trình xuất bản xuất bản phẩm được phê duyệt: Nhà xuất bản Thuận Hóa.

6. Cơ quan thực hiện phát hành xuất bản phẩm của Tủ sách Huế: Viện Nghiên cứu phát triển tỉnh.

**Điều 10. Quy định về phát hành xuất bản phẩm thuộc tủ sách Huế**

1. Sách đặt hàng của Nhà nước thực hiện phát hành theo đúng quy định tại Điều 5 Thông tư 07/2018/BTTTT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện đặt hàng xuất bản phẩm sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Các xuất bản phẩm xã hội hóa, đơn vị chịu trách nhiệm xuất bản thực hiện liên kết với công ty phát hành xuất bản phẩm tổ chức phát hành.

3. Hệ thống phát hành xuất bản phẩm Tủ sách Huế

a) Thông qua hội thảo, hội nghị, hội họp, làm việc với khách trong và ngoài nước để tặng sách và tuyên truyền quảng bá hình ảnh Huế;

b) Theo nhu cầu đặt hàng của Thư viện tổng hợp tỉnh Thừa Thiên Huế, Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao từ cấp tỉnh đến cấp huyện, các bảo tàng, trường học trên địa bàn tỉnh và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan;

c) Các nhà xuất bản, các công ty phát hành.



**Chương III****XÂY DỰNG, QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC TỬ SÁCH HUẾ****Điều 11. Xây dựng và phát triển Tủ sách Huế**

1. UBND tỉnh chỉ đạo việc quản lý, khai thác thống nhất Tủ sách Huế tại Thư viện tổng hợp tỉnh Thừa Thiên Huế; Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao từ cấp tỉnh đến cấp huyện; các bảo tàng, trường học trên địa bàn tỉnh.

2. Căn cứ danh mục xuất bản phẩm và kế hoạch xuất bản hàng năm, Nhà nước cấp kinh phí xuất bản xuất bản phẩm về Huế theo danh mục đặt hàng nhà nước; các xuất bản phẩm xã hội hóa hoặc liên doanh liên kết, các đơn vị quản lý phải có chính sách bổ sung hàng năm.

3. Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định thành lập Quỹ phát triển Tủ sách Huế và giao trách nhiệm cho Viện Nghiên cứu phát triển tỉnh trực tiếp quản lý.

4. Phát triển giá trị các ấn phẩm của Tủ sách Huế theo hướng:

a) Phục vụ phát triển văn hóa đọc, nâng cao dân trí, quảng bá văn hóa, thông tin đối ngoại của Thừa Thiên Huế ra trong nước và quốc tế;

b) Phục vụ công tác nghiên cứu khoa học, hội thảo, hội nghị về giá trị bản sắc văn hóa Huế;

c) Phục vụ đẩy mạnh công tác đối ngoại của lãnh đạo tỉnh đối với các đoàn khách, bạn bè, đối tác quan trọng của tỉnh.

**Điều 12. Quản lý, khai thác Tủ sách Huế**

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có Tủ sách Huế phải có quy định cụ thể về địa điểm đặt Tủ sách; nội quy hoạt động và kinh phí hoạt động của Tủ sách Huế.

2. Các xuất bản phẩm nằm trong Tủ sách Huế phải được đưa vào sổ, bảo quản, quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về tài sản công.

3. Nội quy hoạt động của Tủ sách Huế

a) Nội quy hoạt động của Tủ sách Huế quy định về thời gian, hình thức phục vụ; quyền hạn, trách nhiệm của người phụ trách quản lý Tủ sách Huế; điều kiện và thủ tục mượn sách; trách nhiệm bảo quản, bồi thường thiệt hại của người đọc, người mượn khi làm mất, làm hỏng sách;

b) Nội quy hoạt động của Tủ sách Huế phải được niêm yết tại địa điểm đặt Tủ sách Huế và do thủ trưởng các đơn vị có Tủ sách Huế quy định cụ thể.

4. Thời gian phục vụ và hình thức phục vụ

a) Cơ quan, đơn vị có Tủ sách Huế quy định thời gian mở cửa phục vụ phù hợp với tình hình thực tế của từng đơn vị;

b) Tủ sách Huế phục vụ bằng hình thức đọc tại chỗ hoặc cho mượn về nhà.

## 5. Công tác tuyên truyền về Tủ sách Huế

a) Thường xuyên thông tin, tuyên truyền về Tủ sách Huế; vận động, giới thiệu cho cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân đến nghiên cứu, đọc và tìm hiểu các lĩnh vực về Huế, với mục tiêu quảng bá văn hóa Huế;

b) Tổ chức triển lãm, giới thiệu xuất bản phẩm thuộc Tủ sách Huế vào Ngày sách Việt Nam hằng năm, các sự kiện hội thảo, quảng bá địa phương để nâng cao hiệu quả tuyên truyền mục đích, ý nghĩa của Tủ sách Huế.

### **Điều 13. Người phụ trách Tủ sách Huế**

1. Người phụ trách Tủ sách Huế là cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm do Thủ trưởng đơn vị phân công trong cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và đáp ứng yêu cầu quản lý, khai thác Tủ sách Huế. Công tác bố trí, phân công phù hợp với yêu cầu của đơn vị.

#### 2. Nghĩa vụ của người phụ trách Tủ sách Huế

a) Lập dự toán kinh phí xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách Huế theo quy định tại Điều 5 của Quy định này và các quy định pháp luật khác về tài chính; triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt;

b) Xây dựng Nội quy hoạt động của Tủ sách Huế trình Thủ trưởng đơn vị phê duyệt;

c) Bảo quản Tủ sách Huế theo quy định đối với tài sản công; cho mượn và theo dõi việc mượn, trả sách theo đúng quy định;

d) Định kỳ hằng năm kiểm kê Tủ sách Huế; lập báo cáo 06 tháng, hàng năm hoặc theo yêu cầu về tình hình xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách Huế.

#### 3. Quyền lợi của người phụ trách Tủ sách Huế

a) Được tập huấn, hướng dẫn về nghiệp vụ xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách Huế;

b) Được hưởng chế độ bồi dưỡng từ nguồn kinh phí duy trì hoạt động Tủ sách Huế của đơn vị; mức chi đảm bảo các quy định hiện hành;

c) Được cơ quan có thẩm quyền khen thưởng theo quy định pháp luật khi có thành tích xuất sắc trong việc xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách Huế;

d) Quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

## **Chương IV**

### **XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC TỦ SÁCH HUẾ ĐIỆN TỬ**

#### **Điều 14. Yêu cầu xây dựng, khai thác Tủ sách Huế điện tử**

1. Đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, công nghệ thông tin và bảo đảm khai thác, sử dụng tối đa hạ tầng công nghệ thông tin hiện có.

2. Bảo đảm liên kết, trích xuất, chia sẻ thông tin, tài liệu với các cơ sở dữ liệu thông tin phù hợp để khai thác hiệu quả, đa dạng thông tin và tiết kiệm.

3. Số hóa, cập nhật sách Huế dạng giấy hiện có đã được xuất bản, phục vụ kịp thời nhu cầu khai thác của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

4. Thiết kế cấu trúc Tủ sách Huế điện tử phải bảo đảm việc mở rộng và phát triển.

5. Bảo vệ, tôn trọng quyền tác giả, quyền sở hữu trí tuệ và bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 15. Xây dựng Tủ sách Huế điện tử**

1. Tủ sách Huế điện tử do Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì xây dựng và quản lý thống nhất, được vận hành, khai thác, sử dụng chung trong phạm vi toàn tỉnh theo hướng tích hợp với trang cơ sở dữ liệu thông tin đối ngoại của tỉnh, bảo đảm thuận tiện, đáp ứng yêu cầu tiếp cận thông tin, phổ biến, quảng bá văn hóa Huế trên mọi lĩnh vực.

2. Tủ sách Huế điện tử có các dữ liệu danh mục, các quy định hoạt động và thành phần về sách Huế dạng giấy hiện có đã được xuất bản; cập nhật, quản lý trên cơ sở tài khoản và phân quyền quản lý được giao.

3. Nội dung hoạt động của Tủ sách Huế điện tử

a) Cập nhật, khai thác các dữ liệu thành phần xuất bản phẩm trong tủ sách Huế, văn bản quy phạm pháp luật được phân chia theo lĩnh vực quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan nhà nước khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Cung cấp thông tin, giới thiệu nội dung xuất bản phẩm;

c) Thông tin, giới thiệu hoạt động xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách Huế.

#### **Điều 16. Cấp tài khoản, phân quyền quản lý dữ liệu thành phần của Tủ sách Huế điện tử**

1. Sở Thông tin và Truyền thông quản lý thống nhất Tủ sách Huế điện tử, cấp tài khoản quản lý và phân quyền quản lý các dữ liệu cho các đơn vị liên quan thực hiện cập nhật, quản lý theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Việc vận hành, bảo trì, giám sát, nâng cấp, phát triển, bảo đảm an toàn Tủ sách Huế điện tử; kiểm tra việc quản lý Tủ sách Huế điện tử được thực hiện theo quy định về quản lý thông tin, dữ liệu điện tử.

#### **Điều 17. Cập nhật, khai thác Tủ sách Huế**

1. Các dữ liệu thành phần của Tủ sách Huế điện tử phải phù hợp, thiết thực, bảo đảm chất lượng, không có nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước.

2. Dữ liệu thành phần của Tủ sách Huế điện tử được tra cứu, khai thác miễn phí và thực hiện khai thác thì phải thực hiện theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

3. Quy trình cập nhật và đăng tải

a) Xuất bản phẩm đã được cấp phép xuất bản, được số hóa với bản chính đã được xuất bản hoặc được phê duyệt;

b) Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm đăng tải nội dung số hóa lên Tủ sách Huế điện tử.

## **Chương V**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 18. Trách nhiệm thực hiện**

##### **1. Sở Thông tin và Truyền thông**

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan giúp Ủy ban Nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện Quyết định này;

b) Tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách Huế và Tủ sách Huế điện tử;

c) Đảm bảo kết nối, liên thông với các cơ sở dữ liệu liên quan; cập nhật và đăng tải sách đã được số hóa lên App Tủ sách Huế. Lập dự toán, thanh quyết toán kinh phí hoạt động hằng năm của Tủ sách Huế điện tử;

d) Đề xuất giải pháp về điều kiện bảo đảm cho việc khai thác, sử dụng hiệu quả Tủ sách Huế điện tử gắn với thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tuyên truyền, quảng bá Tủ sách Huế;

đ) Kiểm tra, sơ kết, tổng kết, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách Huế; kỷ luật và xử lý vi phạm trong xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách Huế;

e) Chủ trì, tham mưu UBND tỉnh thẩm định chọn danh mục xuất bản phẩm Nhà nước đặt hàng theo Thông tư 07/2018/BTTTT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện đặt hàng xuất bản phẩm sử dụng ngân sách nhà nước;

ê) Hướng dẫn các cơ quan báo chí thực hiện công tác tuyên truyền về xây dựng và phát triển tủ sách Huế.

##### **2. Sở Văn hóa và Thể thao**

a) Hướng dẫn việc xây dựng, phát triển Tủ sách Huế trong hệ thống thư viện từ cấp tỉnh đến cấp huyện; nghiên cứu tổ chức mô hình Tủ sách Huế trong cộng đồng;

b) Hướng dẫn về nghiệp vụ quản lý, khai thác Tủ sách Huế cho cán bộ được giao phụ trách Tủ sách Huế;

c) Lập danh mục các xuất bản phẩm liên quan đến văn hóa Huế cần đưa vào Tủ sách Huế; chú trọng danh mục xuất bản phẩm về Huế trước 1975.

##### **3. Sở Giáo dục và Đào tạo**

Chỉ đạo, hướng dẫn cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục gắn hoạt động của Tủ sách Huế với Thư viện Trường học; hướng dẫn quản lý, khai thác hiệu quả.

##### **4. Sở Khoa học và Công nghệ**

a) Xây dựng kinh phí hàng năm từ Quỹ Phát triển Khoa học công nghệ thực hiện xuất bản ấn phẩm cho Tủ sách Huế;

b) Xây dựng quy định hướng dẫn các cá nhân, tổ chức xin hỗ trợ kinh phí và quy định sử dụng nguồn kinh phí phù hợp;

c) Bảo đảm quyền sở hữu trí tuệ về thương hiệu riêng của Tủ sách Huế;

d) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đưa vào danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ hàng năm các đề xuất liên quan đến xây dựng Tủ sách Huế.

#### 5. Sở Tài chính

a) Bố trí kinh phí thường xuyên để xây dựng, duy trì Tủ sách Huế theo quy định về phân cấp ngân sách nhà nước.

b) Hướng dẫn, kiểm tra và giám sát Quỹ phát triển Tủ sách Huế theo đúng quy định về pháp luật.

#### 6. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Vận động, khuyến khích các doanh nghiệp, nhà đầu tư tham gia đóng góp kinh phí xây dựng tủ sách Huế và Tủ sách Huế điện tử.

7. Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật tỉnh, Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật tỉnh

a) Phối hợp với Sở Thông tin truyền thông triển khai thực hiện các nhiệm vụ xây dựng, tuyển chọn xuất bản phẩm cho Tủ sách Huế;

b) Đầu mối tổng hợp danh sách các nhà nghiên cứu, nhà sưu tầm có những bộ sách quý, các công trình giá trị tham gia Tủ sách Huế.

#### 8. Phân viện Nghiên cứu Văn hóa nghệ thuật Quốc gia Việt Nam tại Huế

a) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai thực hiện các nhiệm vụ xây dựng, tuyển chọn xuất bản phẩm cho Tủ sách Huế;

b) Lập danh mục, tác giả tác phẩm cần đưa vào Tủ sách Huế theo từng năm, từng giai đoạn;

c) Hàng năm, có kế hoạch nghiên cứu, biên soạn xuất bản phẩm chất lượng đăng ký tham gia vào Tủ sách Huế.

#### 9. Viện Nghiên cứu phát triển tỉnh

a) Đề xuất danh mục xuất bản sách liên quan đến Thừa Thiên Huế có chất lượng; chủ trì đề xuất danh mục dự thảo tác phẩm về đề xuất những sáng kiến, kinh nghiệm, ý tưởng, giải pháp tốt cho phát triển kinh tế - xã hội Thừa Thiên Huế;

b) Chủ trì tham mưu huy động các nguồn tài trợ, nguồn xã hội hóa hợp pháp khác để thành lập và phát triển Quỹ Phát triển Tủ sách Huế phục vụ hỗ trợ xuất bản, phát hành các xuất bản phẩm Tủ sách Huế theo quy định;

c) Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan làm đầu mối quản lý quỹ và căn cứ Nghị định 93/2019/NĐ-CP, ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện để phối hợp Sở Nội vụ tham mưu quy định sử dụng quỹ đúng mục đích, hiệu quả, đúng quy định pháp luật.

#### 10. Ủy ban nhân dân cấp huyện, thị xã, thành phố

a) Chỉ đạo, hướng dẫn việc xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách Huế theo quy định; nâng cao hiệu quả khai thác Tủ sách Huế trên địa bàn; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách Huế;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn việc phân công, bố trí người phụ trách Tủ sách Huế theo quy định của Quyết định này;

c) Bảo đảm kinh phí từ ngân sách để xây dựng, quản lý, duy trì Tủ sách Huế theo quy định của Quyết định này; khuyến khích hỗ trợ kinh phí để xây dựng Tủ sách Huế về cơ sở;

d) Chỉ đạo, hướng dẫn công tác tuyên truyền, vận động cán bộ, công chức và người dân trên địa bàn tham gia xây dựng, khai thác Tủ sách Huế;

đ) Vận động doanh nghiệp trên địa bàn tham gia hỗ trợ và quảng bá về văn hóa Huế, con người Huế thông qua Tủ sách Huế;

e) Kiểm tra, sơ kết, tổng kết, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách Huế; kỷ luật, xử lý vi phạm trong xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách Huế.

#### 11. Các cơ quan, tổ chức Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh

a) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở tham gia khai thác Tủ sách Huế;

b) Khuyến khích tự xây dựng và thành lập, khai thác Tủ sách Huế riêng của đơn vị;

c) Tham gia vận động các tổ chức, cá nhân đóng góp xây dựng Tủ sách Huế, Tủ sách điện tử Huế.

#### 12. Các trường đại học, cao đẳng đóng trên địa bàn tỉnh

Khuyến khích thành lập Tủ sách Huế và triển khai các hoạt động tuyên truyền, vận động lực lượng cán bộ, giảng viên và sinh viên của trường tham gia vào công tác quản lý, khai thác Tủ sách Huế.

#### 13. Nhà xuất bản Thuận Hóa

a) Lập danh mục xuất bản phẩm và có kế hoạch xây dựng các đầu sách có chất lượng để thực hiện chính sách đặt hàng của Nhà nước;

b) Tham gia công tác xuất bản đảm bảo đúng quy định của Luật xuất bản;

c) Tham mưu UBND tỉnh khai thác nguồn xã hội hóa, liên doanh, liên kết để thực hiện xuất bản phẩm;

d) Xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách Huế theo quy định; nâng cao hiệu quả khai thác Tủ sách Huế;

đ) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, khai thác danh mục sách đơn vị xuất bản.

14. Các cơ quan báo chí địa phương

- a) Tăng cường xây dựng chuyên đề giới thiệu xuất bản phẩm, tác giả của Tủ sách Huế;
- b) Tuyên truyền, quảng bá sâu rộng về Tủ sách Huế, có chính sách mỗi đơn vị đặt một tủ sách Huế phục vụ công tác bạn đọc./.

---

---

**VĂN PHÒNG UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ XUẤT BẢN**

Địa chỉ: 16 Lê Lợi, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Điện thoại liên hệ: 0234.3834537; Fax: 0234.3834537

Email: [congbao@thuathienhue.gov.vn](mailto:congbao@thuathienhue.gov.vn);

Website: <http://congbao.thuathienhue.gov.vn>;

In tại: Công ty CP In và Dịch vụ giáo dục Huế.